

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẢO LỘC  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2019/DS-ST  
Ngày: 30-10-2019  
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cầm Văn Nam

2. Ông Hoàng Xuân Ty

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 07 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lê Cao T**, sinh năm 1982. Cư trú: Thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tấn Tr, sinh năm 1973. Cư trú: đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền của ông T (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 7 năm 2019); *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà **Đoàn Thị Thu V**, sinh năm 1970. Cư trú: đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Thái Thị Lệ H**, sinh năm 1959. Cư trú: Thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Cao T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Tấn Tr trình bày:*

Ngày 16/10/2018 anh T có cho bà Đoàn Thị Thu V vay 150.000.000 đồng, khi vay hai bên lập văn bản là Giấy mượn tiền mặt và lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn trả là trước ngày 01/01/2019. Sau khi vay bà V trả được tổng cộng 6.000.000 đồng tiền lãi, cụ thể tháng 02/2019 bà V trả 3.000.000 đồng, tháng 3/2019 bà V trả 3.000.000 đồng. Sau đó dù anh T đã nhiều lần yêu cầu trả tiền gốc và lãi nhưng bà V vẫn không trả. Do đó, anh T khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 17/10/2018 đến ngày 17/10/2019 với mức lãi suất là 1%/tháng, trừ đi số tiền lãi 6.000.000 đồng bà V đã trả, cụ thể là  $(150.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}) - 6.000.000 \text{ đồng} = 12.000.000 \text{ đồng}$ . Ngoài ra anh T không còn yêu cầu gì khác. Đối với việc bà V vay tiền của mẹ anh T là bà Thái Thị Lệ H thì anh T không liên quan.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đoàn Thị Thu V trình bày:*

Số tiền 150.000.000 đồng ghi trong Giấy mượn tiền mặt ngày 16/10/2018 có chữ ký xác nhận của bà và anh T không phải do anh T cho bà vay tiền mặt, mà số tiền 150.000.000 đồng này xuất phát từ số tiền 175.000.000 đồng bà vay của mẹ anh T là bà Thái Thị Lệ H. Cụ thể, khoảng đầu năm 2016 bà có vay nhiều lần của bà H tổng cộng là 175.000.000 đồng với mức lãi suất là 10%/tháng, bà đã trả được tiền lãi từ tháng 01/2016 đến 11/2017 tổng cộng là 385.000.000 đồng. Tuy nhiên việc vay số tiền gốc 175.000.000 đồng và đã trả tiền lãi 385.000.000 đồng bà không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Từ tháng 12/2017 bà làm ăn khó khăn không tiếp tục trả được lãi, anh T nói số tiền bà vay của bà H là tiền của anh T nên anh T đã cộng số tiền gốc 175.000.000 đồng và tiền lãi các tháng bà chưa trả thành 350.000.000 đồng. Để có tiền trả nợ vay này vợ chồng bà đã chuyển nhượng nhà đất cho em trai anh T là anh Lê Cao Q với giá 950.000.000 đồng và căn trừ 200.000.000 đồng vào số tiền nợ 350.000.000 đồng nói trên. Số tiền nợ 150.000.000 đồng còn lại anh T đã ép buộc bà ký nhận nợ vào Giấy mượn tiền mặt nói trên. Việc bà vay tiền không liên quan chồng bà, bà vay tiền là để trả tiền nợ huê.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng ghi trong Giấy mượn tiền mặt ngày 16/10/2018 bà không trả tiền lãi mà trả được tổng cộng 6.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể tháng 02/2019 trả 3.000.000 đồng, tháng 03/2019 trả 3.000.000 đồng. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà đã trả tiền lãi quá nhiều, bà chỉ đồng ý trả cho anh T 80.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Lệ H trình bày:*

Bà V là bà con bên chồng của bà, vì là họ hàng nên nhiều lần bà đã cho bà V vay tiền mà không lập văn bản. Do cho vay nhiều lần mà không lập văn bản và hiện nay số tiền bà V vay của bà đã trả hết nên bà không nhớ chính xác cụ thể thời gian cho vay và số tiền vay của từng lần. Bà và bà V thỏa thuận mức lãi suất là 10%/tháng, bà V có trả lãi cho bà mấy tháng nhưng vì thời gian đã lâu và trả nhiều lần không có giấy tờ gì nên bà không nhớ đã trả bao nhiêu tiền lãi. Bà chỉ nhớ tiền gốc và tiền lãi cộng lại bà V còn nợ của bà là 200.000.000 đồng và do tuổi cao sức yếu không thể thường xuyên đi đòi nợ nên bà đã nhờ con trai là anh T đi gặp bà V đòi nợ dùm. Do đó, bà V trình bày đã trả cho bà 385.000.000 đồng tiền lãi là không đúng.

Khi biết vợ chồng bà V muốn bán nhà đất nên bà và con trai là anh Lê Cao Q đã hùn tiền để cùng mua đất của vợ chồng bà V, phần tiền hùn của bà là số tiền 200.000.000 đồng mà bà V còn nợ của bà nên khi bán nhà đất bà V đã trừ số tiền 200.000.000 đồng bà V còn nợ này. Hiện nay khoản nợ vay giữa bà và bà V đã thanh toán xong, bà V không còn nợ gì bà nữa. Do đó, đối với vụ án này bà không có yêu cầu gì.

Đối với số tiền vay 150.000.000 đồng giữa anh T và bà V thì bà không liên quan.

*Tại phiên tòa,*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 từ ngày 17/10/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2019 là 15.884.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Đoàn Thị Thu V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Lệ H vắng mặt nhưng có

đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Anh Lê Cao T cho rằng bà Đoàn Thị Thu V vay tiền của mình, mặc dù anh T đã đòi nhiều lần nhưng bà V không trả nên khởi kiện yêu cầu bà V hiện có nơi cư trú tại phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng trả số tiền nợ nói trên. Vì vậy xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Đối với yêu cầu trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc thấy rằng:

Bà V trình bày số tiền 150.000.000 đồng ghi trong Giấy mượn tiền mặt ngày 16/10/2018 có chữ ký xác nhận của bà và anh T, không phải do anh T cho bà vay tiền mặt mà xuất phát từ số tiền 175.000.000 đồng bà vay của mẹ anh T là bà H và bà đã trả được tiền lãi là 385.000.000 đồng, nhưng việc vay số tiền gốc 175.000.000 đồng và đã trả tiền lãi 385.000.000 đồng bà V không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Ngoài ra bà V còn trình bày số tiền gốc 175.000.000 đồng bà vay của bà H và tiền lãi các tháng cộng dồn thành 350.000.000 đồng, sau đó bà đã căn trừ 200.000.000 đồng trong số tiền nợ 350.000.000 đồng này vào tiền bán nhà đất. Tuy nhiên tại Hợp đồng đặt cọc ngày 30/9/2018 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ ghi “...*Bên A sẽ thanh toán 200.000.000 đồng cho ông Lê Cao T (chủ nợ)*” không có nội dung nào thể hiện việc căn trừ 200.000.000 đồng là trong số tiền nợ 350.000.000 đồng; bà V cũng không có chứng cứ chứng minh về số nợ 350.000.000 đồng này.

Bên cạnh đó, bà H cũng trình bày có cho bà V vay tiền gốc cộng tiền lãi là 200.000.000 đồng và số tiền này đã được căn trừ hết trong việc chuyển nhượng nhà đất, bà có nhờ anh T lấy số tiền nợ này từ bà V dùm bà nên trong hợp đồng đặt cọc ghi thanh toán 200.000.000 đồng cho anh T. Anh T cũng xác nhận có việc bà V căn trừ số tiền nợ 200.000.000 đồng của bà H, anh chỉ là người lấy dùm tiền nợ cho bà H, số tiền nợ này không liên quan anh.

Như vậy, với các lời trình bày của đương sự và nội dung nêu trên trong Hợp đồng đặt cọc chỉ cho thấy: bà H có cho bà V vay tiền và bà V đã căn trừ trả số tiền nợ đối với bà H là 200.000.000 đồng, không thể hiện liên quan việc vay tiền giữa bà V và anh T theo Giấy mượn tiền mặt ngày 16/10/2018.

Bà V cho rằng số tiền 150.000.000 đồng ghi trong Giấy mượn tiền mặt ngày 16/10/2018 là số tiền còn lại sau khi căn trừ 200.000.000 đồng trong số tiền 350.000.000 đồng nói trên và bà bị ép ký vào Giấy mượn tiền nhưng bà V không có chứng cứ chứng minh. Hơn nữa lời trình bày này của bà V là không

phù hợp bởi trường hợp bà V còn nợ bà H 350.000.000 đồng thì khi chuyển nhượng nhà đất với giá 950.000.000 đồng bà H đã trừ hết toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng chứ không chỉ trừ có 200.000.000 đồng. Trong khi đó anh T không thừa nhận vấn đề này và trong Giấy mượn tiền mặt ngày 16/10/2018 có chữ ký xác nhận của bà V ghi: “*Lê Cao T có cho bà Đoàn Thị Thu V mượn số tiền mặt đã nhận là 150.000.000 đồng...Bà Đoàn Thị Thu V hứa sẽ thanh toán hết số tiền trên đã mượn anh T cùng với lãi suất trả hàng tháng trước ngày 01/01/2019...*”. Do đó, xác định bà V có vay của anh T 150.000.000 đồng là có cơ sở.

[3.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là 15.884.000 đồng từ ngày 17/10/2018 đến ngày 30/10/2019 thấy rằng:

Bị đơn trình bày số tiền 150.000.000 đồng không có lãi nhưng nguyên đơn khai mức lãi suất khi vay hai bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng; tại Giấy mượn tiền mặt ngày 16/10/2018 có chữ ký xác nhận của bà V ghi: “*...Bà Đoàn Thị Thu V hứa sẽ thanh toán hết số tiền trên đã mượn anh T cùng với lãi suất trả hàng tháng trước ngày 01/01/2019...*”. Nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 xác định lãi, lãi suất cụ thể như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả:  $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 2 \text{ tháng} 14 \text{ ngày}$  (từ ngày 17/10/2018 đến 31/12/2018) = 3.071.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả:  $3.071.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 2 \text{ tháng} 14 \text{ ngày}$  (từ ngày 17/10/2018 đến 31/12/2018) = 63.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả:  $150.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\%/tháng \times 10 \text{ tháng}$  (từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2019) = 18.750.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là: 3.071.000 đồng + 63.000 đồng + 18.750.000 đồng = 21.884.000 đồng.

Bà V trình bày sau khi ký Giấy mượn tiền mặt ngày 16/10/2018 thì đã trả cho anh T 6.000.000 đồng và nguyên đơn cũng thừa nhận đã nhận số tiền này của bị đơn. Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc bà V đã trả 6.000.000 đồng cho nguyên đơn là có thật. Do bà V đã trả cho nguyên đơn được 6.000.000 đồng nên được trừ số tiền này.

Từ những phân tích nêu, đánh giá toàn diện chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà V phải trả cho anh T số tiền

vay gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi 21.884.000 đồng – 6.000.000 đồng = 15.884.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 165.884.000 đồng.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là: 165.884.000 đồng x 5% = 8.294.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Cao T.

Buộc bà Đoàn Thị Thu V có trách nhiệm trả cho anh Lê Cao T số tiền vay gốc 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng và 15.884.000 (*Mười lăm triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn*) đồng tiền lãi suất.

**2.** Về án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.294.000 đồng (*Tám triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn*) đồng. Hoàn trả cho anh T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.200.000 (*Bốn triệu hai trăm ngàn*) đồng theo biên lai số AA/2016/0005566 ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**3.** Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày 31/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký và đóng dấu)  
**Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc**